BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 52/2018/TT-BTC	----------
	Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 cuả Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính

----

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/TT-BTC ngày

30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính như sau:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ); các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì phần nguồn vốn ngân sách nhà nước của dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư này (sau đây gọi chung là dự án)".

2. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Thông tư này không áp dụng đối với các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; các dự án đầu tư của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài; các dự án bí mật nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Đối với vốn đầu tư của ngân sách nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP): trình tự, thủ tục, hồ sơ thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước tham gia thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi một số Điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 30/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số Điều của Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Các nội dung khác về quản lý, thanh toán vốn đầu tư được thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nội dung kiểm soát chi, thủ tục rút vốn và quản lý rút vốn được thực hiện theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Các nội dung khác về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo các quy định tại Thông tư này".

3. Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Nguyên tắc tạm ứng vốn:

a) Đối với các công việc thực hiện thông qua hợp đồng, bên giao thầu (chủ đầu tư) tạm ứng vốn cho bên nhận thầu (nhà thầu) để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết trước khi triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và các nội dung khác để đảm bảo việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định và phải được quy định rõ trong hợp đồng.

b) Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực, đồng thời chủ đầu tư đã nhận được bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng) với giá trị tương đương của khoản tiền tạm ứng. Riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng, nếu có giải phóng mặt bằng thì phải có cả kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

c) Trường hợp các bên thỏa thuận tạm ứng ở mức cao hơn mức tạm ứng tối thiểu nêu tại điểm a, khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính, thì phần giá trị hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng.

d) Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn chủ đầu tư có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng và mức vốn tạm ứng quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính; trường hợp kế hoạch vốn bố trí trong năm không đủ mức vốn tạm ứng theo hợp đồng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

đ) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý tuân thủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

e) Đối với các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng, việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư. Căn cứ vào nhu cầu tạm ứng vốn, chủ đầu tư có thể được tạm ứng vốn một lần hoặc nhiều lần đảm bảo không vượt mức vốn tạm ứng tối đa theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính. Trường hợp kế hoạch vốn bố trí trong năm không đủ mức vốn tạm ứng tối đa so với dự toán được duyệt thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau".

4. Gạch đầu dòng thứ nhất Khoản 5, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"- Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng."

5. Khoản 6, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"- Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra số vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra số dư tạm ứng để đảm bảo thu hồi hết số

vốn đã tạm ứng khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Trước ngày 05 của tháng đầu tiên quý tiếp theo, các chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo từng dự án gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, báo cáo nêu rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý.

- Hằng quý, trước ngày 15 của tháng đầu quý sau (riêng quý IV trước ngày 10 tháng 02 năm sau), Kho bạc Nhà nước các cấp lập báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư của các Bộ, ngành và địa phương gửi cơ quan Tài chính đồng cấp, trong báo cáo phân loại rõ số dư tạm ứng quá hạn chưa được thu hồi đến thời điểm báo cáo và nêu rõ các lý do, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn nêu trên (nếu có), đồng thời đề xuất biện pháp xử lý. Đối với dự án do các Bộ, ngành quản lý, trên cơ sở báo cáo của Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính có văn bản gửi các Bộ, ngành để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi. Đối với dự án thuộc Ủy ban nhân nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng quá hạn chưa thu hồi.

- Thời hạn thu hồi tạm ứng:

Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi tạm ứng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.

Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 3 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư chuyển toàn bộ số dư tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thu hồi tạm ứng. Sau thời hạn trên, trường hợp tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư chưa chuyển toàn bộ số tiền dư tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước thì trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước được phép trích từ tài khoản tiền gửi của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư mở tại Kho bạc Nhà nước vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước và thông báo cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

Sau thời hạn 1 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước (trừ trường hợp nguyên nhân chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong, thì số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được tiếp tục gửi tại tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước; sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất). Trường hợp chủ đầu tư không làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước, thì Kho bạc Nhà nước được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp lại ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

Đối với các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng khác, vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 6 tháng kể từ thời điểm tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thanh toán để thu hồi tạm ứng, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị chủ đầu tư hoàn trả số vốn đã tạm ứng (trừ các trường hợp sau: có văn bản của cấp có thẩm quyền (người phê duyệt dự toán) về việc cho phép kéo dài thời hạn thu hồi tạm ứng để hoàn thành các khối lượng do các nguyên nhân khách quan; tạm ứng chi phí quản lý dự án cho các Ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực). Sau thời hạn 03 tháng kể từ thời điểm phải hoàn trả số vốn đã tạm ứng mà chủ đầu tư chưa thực hiện hoàn trả thì Kho bạc Nhà nước được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp lại ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư."

6. Bổ sung vào Điểm a Khoản 1, Điều 9 như sau:

"- Đối với trường hợp ủy thác quản lý dự án:

Trong trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực, việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của hợp đồng ủy thác. Chủ đầu tư và bên được ủy thác có trách nhiệm quy định cụ thể phạm vi ủy thác trong hợp đồng.

Trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng ủy thác toàn bộ cho Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án (bao gồm cả việc rút dự toán và giao dịch với cơ quan kiểm soát thanh toán), thì ngoài nội dung công việc ủy thác, chủ đầu tư phải ủy quyền chủ tài khoản cho bên nhận ủy thác và nội dung trên phải được quy định cụ thể trong hợp đồng.

- Để phục vụ công tác quyết toán công trình, trường hợp giữa chủ đầu tư và nhà thầu có thỏa thuận trong hợp đồng về việc tạm giữ chưa thanh toán cho nhà thầu một khoản tiền nhất định hoặc một tỷ lệ nhất định so với khối lượng hoàn thành và thỏa thuận về việc chuyển khoản tiền nêu trên vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước thì việc thanh toán được thực hiện theo quy định của hợp đồng. Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý hợp đồng xây dựng."

7. Sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 3 Điều 9 như sau:

"a) Sau khi nhận được văn bản phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư của các Bộ, ngành trung ương và địa phương, đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định, Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện dự án), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư.

Trường hợp phát hiện khoản chi không đảm bảo đúng chế độ hoặc thiếu hồ sơ theo quy định, chậm nhất trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị thanh toán Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán và có văn bản thông báo cho chủ đầu tư nêu rõ lý do từ chối thanh toán.

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc "thanh toán trước, kiểm soát sau" cho từng lần thanh toán và "kiểm soát trước, thanh toán sau" đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Căn cứ vào nguyên tắc này, Kho bạc Nhà nước hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát thanh toán trong hệ thống Kho bạc Nhà nước, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"1. Việc ứng trước dự toán ngân sách năm sau được thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Ngân sách nhà nước; Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và Điều 45 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Sau khi dự án được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước, các Bộ, ngành và địa phương phân bổ đúng danh mục đã được giao. Việc kiểm tra phân bổ và tạm ứng, thanh toán vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau được thực hiện như vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trong năm theo các quy định tại Thông tư này.

3. Thời hạn thanh toán: thực hiện như thời hạn thanh toán vốn đầu tư trong kế hoạch năm được cấp có thẩm quyền cho phép ứng trước. Trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định (đối với ứng trước nguồn vốn ngân sách Trung ương), Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp quyết định (đối với ứng trước nguồn vốn ngân sách địa phương) nhưng không quá thời gian thực hiện và giải ngân (tạm ứng và thanh toán) kế hoạch đầu tư công trung hạn.

4. Số vốn ứng trước chưa thanh toán sau khi hết thời hạn giải ngân được xử lý như vốn đầu tư trong kế hoạch năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

5. Thu hồi vốn: các Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm bố trí kế hoạch vốn cho dự án trong dự toán ngân sách năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Trên cơ sở văn bản phân bổ kế hoạch thu hồi vốn ứng trước của Bộ, ngành, địa phương, Kho bạc Nhà nước

thực hiện thu hồi vốn ứng trước theo số vốn ứng trước đã giải ngân thực tế của dự án, số vốn thu hồi tối đa bằng kế hoạch vốn ứng trước đã được cấp có thẩm quyền bố trí thu hồi hằng năm.

Trường hợp các Bộ không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn phải thu hồi của từng dự án theo quyết định giao kế hoạch hằng năm của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có văn bản thông báo cho Bộ đó biết để bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định; Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày các Bộ nhận được văn bản của Bộ Tài chính nhưng các Bộ không thực hiện bố trí thu hồi kế hoạch vốn theo quyết định giao năm kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với vốn ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, trường hợp đơn vị dự toán cấp I ở địa phương không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn thu hồi theo quy định, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch có văn bản thông báo cho đơn vị đó biết để bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định. Trường hợp sau 10 ngày làm việc kể từ ngày các đơn vị nhận được văn bản của cơ quan Tài chính nhưng các đơn vị không thực hiện bố trí thu hồi kế hoạch vốn theo quyết định giao thì Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp, đồng thời có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán đối với dự án chưa đảm bảo việc thu hồi vốn ứng trước, chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp.

6. Quyết toán vốn: Thời hạn quyết toán vốn ứng trước theo thời hạn được bố trí kế hoạch vốn để thu hồi. Trường hợp dự án được thu hồi vốn ứng trước theo thời kỳ một số năm thì số vốn ứng trước được bố trí để thu hồi của kế hoạch năm nào được quyết toán vào niên độ ngân sách năm đó, số vốn đã thanh toán nhưng chưa được bố trí kế hoạch vốn để thu hồi được chuyển sang các năm sau quyết toán phù hợp với kế hoạch thu hồi vốn."

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Khoản 4 và bổ sung Khoản 5 vào Điều 11 như sau:

"3. Trường hợp các dự án cần thiết phải kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau, phải được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định tại Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước; Điều 76 Luật Đầu tư công và Điều 46 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.

4. Thời hạn kiểm soát thanh toán vốn của Kho bạc Nhà nước: Trong thời hạn tối đa là 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

5. Kế hoạch vốn trong năm chưa thanh toán sau khi hết thời hạn giải ngân (trừ trường hợp được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán) được xử lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn."

10. Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.

2. Nguyên tắc điều chỉnh:

Để đảm bảo cho các dự án thực hiện mục tiêu theo kế hoạch, hạn chế việc kéo dài thời gian thực hiện sang năm sau; căn cứ tình hình thực hiện thực tế, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án trong năm để trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư của các dự án trong phạm vi tổng kế hoạch vốn được giao trong năm; điều chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện sang các dự án có khả năng thực hiện trong năm kế hoạch, đảm bảo không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư từng dự án, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo chủ đầu tư xác định số liệu thanh toán đến thời điểm điều chỉnh và làm việc với Kho bạc Nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn còn dư do không thực hiện được, đảm bảo cho kế hoạch của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc Nhà nước đã thanh toán.

Đối với các dự án dự kiến điều chỉnh giảm kế hoạch, trong khi chờ cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh kế hoạch, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các chủ đầu tư không được phép giải ngân số vốn dự kiến điều chỉnh giảm kế hoạch của các dự án. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm về số liệu giải ngân và số kế hoạch vốn điều chỉnh.

3. Sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư: các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp gửi công văn phân bổ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư cho cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước cùng cấp. Nội dung kiểm tra phân bổ vốn đầu tư điều chỉnh được thực hiện như vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trong năm theo quy định tại Thông tư này."

11. Bổ sung Mục 4 vào Thông tư nội dung quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư các công trình đặc thù như sau:

"Mục 4. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư các công trình đặc thù Điều 13. Công trình bí mật nhà nước.

1. Loại công trình bí mật nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng (trừ công

trình bí mật nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính).

2. Việc phân bổ và kiểm tra phân bổ vốn đầu tư; kiểm soát, thanh toán các dự án đầu tư công trình bí mật nhà nước thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (trừ trường hợp có quy định riêng về việc chuyển vốn trực tiếp từ Bộ Tài chính cho Bộ, ngành, địa phương thì thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền).

Đối với các dự án đầu tư công trình bí mật nhà nước được thực hiện theo cơ chế chuyển vốn trực tiếp từ Bộ Tài chính cho Bộ, ngành, địa phương thì Bộ, ngành, địa phương giao cơ quan chức năng thực hiện quản lý, kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án.

3. Tạm ứng, thanh toán vốn:

- Đối với các dự án đầu tư công trình bí mật nhà nước do các Bộ, ngành và các địa phương quản lý, Kho bạc Nhà nước chỉ kiểm soát về tính phù hợp, đầy đủ của chứng từ rút vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư mà không kiểm soát về các nội dung khác trong hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của chủ đầu tư. Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội dung thanh toán và hồ sơ của dự án.

- Hết năm kế hoạch, Bộ, ngành, địa phương báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình tiếp nhận và sử dụng vốn; xác nhận số vốn đã thanh toán trong năm, lũy kế số vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án; nhận xét về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, chấp hành các chế độ chính sách về tài chính.

Điều 14. Công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách và công trình xây dựng tạm:

1. Loại công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

2. Loại công trình xây dựng tạm theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

3. Tạm ứng, thanh toán vốn:

a) Tạm ứng vốn: Mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước. Hồ sơ tạm ứng vốn bao gồm:

- Lệnh khẩn cấp của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản cho phép triển khai công trình, dự án theo lệnh khẩn cấp của cấp có thẩm quyền;

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của công trình khẩn cấp hoặc công trình tạm của người có thẩm quyền;

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;

- Chứng từ chuyển tiền.

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (đối với trường hợp yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng vốn theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính);

b) Thanh toán khối lượng hoàn thành: thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước."

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 (nay là Điều 15 Thông tư) như sau:

"1. Đối với các chủ đầu tư, các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Đối với Kho bạc Nhà nước:

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính.

- Kết thúc năm kế hoạch, Kho bạc Nhà nước tổng hợp số liệu thanh toán vốn đầu tư báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định về quyết toán ngân sách nhà nước. Đồng thời xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án do chủ đầu tư lập."

13. Bổ sung Điều 18 (nay là Điều 20 Thông tư) như sau:

"4. Thực hiện việc kiểm tra phân bổ vốn đầu tư theo quy định tại Thông tư này."

14. Bãi bỏ mẫu biểu tại phụ lục số 06 kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/6/2016 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 108/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính như sau:

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 4. Kiểm tra phân bổ vốn đầu tư:

1. Hằng năm, sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân giao kế hoạch (bao gồm kế hoạch vốn giao đầu năm; kế hoạch bổ sung trong năm), các Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các cấp và đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp trên phân cấp phân bổ) phân bổ chi tiết vốn đầu tư cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

2. Đối với vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau, sau khi được Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định (theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ), các Bộ, ngành Trung ương và đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (nếu được phân cấp) thực hiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư của các dự án cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới.

3. Việc phân bổ chi tiết và giao kế hoạch vốn đầu tư hằng năm cho các dự án phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch hoặc theo thời gian cụ thể

trong quyết định giao vốn của cấp có thẩm quyền. Trường hợp được giao bổ sung kế hoạch, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao kế hoạch bổ sung, các Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các cấp phải hoàn thành việc phân bổ và giao kế hoạch theo quy định. Đồng thời với việc phân bổ vốn đầu tư nêu trên, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp giao kế hoạch vốn chi tiết cho các chủ đầu tư để thực hiện.

Trên cơ sở giao kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị dự toán cấp I ở địa phương (nếu được phân cấp) thực hiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư của các dự án cho các chủ đầu tư trực thuộc và cấp dưới; đồng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để kiểm tra phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(Mẫu biểu phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư theo phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này)

4. Sau khi phân bổ kế hoạch vốn đầu tư, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp gửi văn bản phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư đến cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp để triển khai thực hiện việc quản lý, điều hành kế hoạch ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; đơn vị dự toán cấp I ở địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng gửi Kho bạc Nhà nước cùng cấp để làm cơ sở kiểm soát, thanh toán, tổng hợp, báo cáo.

5. Các Bộ, ngành và địa phương giao chỉ tiêu kế hoạch vốn chi tiết cho các chủ đầu tư đầy đủ các tiêu chí tại phụ lục số 01 nêu trên và ghi chi tiết kế hoạch vốn đầu tư: kế hoạch giao đầu năm (trong đó thu hồi vốn ứng trước), kế hoạch vốn đầu tư điều chỉnh, kế hoạch vốn đầu tư kéo dài, kế hoạch vốn ứng trước để thực hiện, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để có căn cứ kiểm soát thanh toán vốn.

6. Các Bộ, cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên Hệ thống TABMIS theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống TABMIS và văn bản số 4754/BTC-KBNN ngày 11/4/2017 về việc hướng dẫn quy trình nhập và phân bổ dự toán, hạch toán kế toán, ghi thu, ghi chi vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, viện trợ từ nước ngoài.

7. Kiểm tra phân bổ:

a) Về nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra về tính chính xác, khớp đúng với chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao về: tổng kế hoạch vốn đầu tư, danh mục dự án; tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn (vốn trong nước, vốn ngoài nước; cơ cấu ngành, lĩnh vực; theo nhiệm vụ); mức vốn được giao của từng dự án (nếu có).

- Kiểm tra việc đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định của các dự án được giao vốn.

b) Đối với dự án do các Bộ, ngành quản lý:

- Sau khi nhận được văn bản phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư của các Bộ, ngành trung ương theo quy định, Bộ Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ. Trường hợp phát hiện việc phân bổ vốn không đúng các nội dung tại Điểm a Khoản 6 Điều này, trong

phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Bộ Tài chính có ý kiến gửi các Bộ, ngành trung ương đề nghị điều chỉnh lại theo đúng quy định, đồng gửi Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán để tạm dừng thanh toán đối với các dự án phân bổ chưa đúng quy định. Các Bộ có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán (nếu có).

Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bộ Tài chính, các Bộ, ngành trung ương điều chỉnh lại và gửi văn bản phân bổ kế hoạch vốn điều chỉnh cho Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để thanh toán cho các dự án đã đủ điều kiện. Trường hợp không thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính, các Bộ, ngành có ý kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì các Bộ, ngành trung ương và chủ đầu tư không được phép thanh toán đối với phần kế hoạch Bộ Tài chính yêu cầu điều chỉnh lại.

c) Đối với các dự án đầu tư do địa phương quản lý:

- Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư của đơn vị dự toán cấp I (trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp trên phân cấp phân bổ), cơ quan Tài chính thực hiện kiểm tra phân bổ. Trường hợp phát hiện việc phân bổ vốn không đúng các nội dung tại Điểm a Khoản 6 Điều này, cơ quan Tài chính có ý kiến gửi đơn vị dự toán cấp I đề nghị điều chỉnh lại theo đúng quy định; đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán để tạm dừng thanh toán đối với các dự án phân bổ chưa đúng quy định. Trong thời gian 07 ngày làm việc, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán cho dự án (nếu có).

Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan Tài chính, đơn vị dự toán cấp I thực hiện điều chỉnh lại và gửi văn bản phân bổ kế hoạch vốn điều chỉnh cho cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để thanh toán cho dự án đã đủ điều kiện. Trường hợp không thống nhất với ý kiến của cơ quan Tài chính, đơn vị dự toán cấp I có ý kiến báo cáo Ủy ban nhân dân (nơi giao dự toán) xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ Ủy ban nhân dân (nơi giao dự toán) xem xét, quyết định; đơn vị dự toán cấp I và chủ đầu tư không được phép thanh toán đối với dự án (hoặc phần kế hoạch phân bổ của dự án) chưa đúng quy định cơ quan Tài chính yêu cầu điều chỉnh lại."

2. Tiết a Điểm 1 và Tiết a Điểm 2 Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Đối với vốn chuẩn bị đầu tư:

a) Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thuộc công tác chuẩn bị đầu tư;

2. Đối với vốn thực hiện dự án:

a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có)."

Điều 3. Thay đổi và điều chỉnh tên mục và một số điều tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính

1. Sửa tên Mục 4 Chương II Thông tư thành "Mục 5. Chế độ báo cáo, kiểm tra, quyết toán".

Chuyển các Điều 13, 14, 15 Mục 4 Chương II Thông tư thành các Điều 15, 16, 17 Mục 5.

2. Sửa tên Mục 5 Chương II Thông tư thành "Mục 6. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan".

Chuyển các Điều 16, 17, 18, 19 Mục 5 Chương II Thông tư thành các Điều 18, 19, 20, 21 Mục 6.

3. Chuyển các Điều 20, 21 Chương III Thông tư thành các Điều 22, 23 Chương III.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

Các hợp đồng đã ký và đang thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ các Thông tư sau của Bộ Tài chính:

a. Bãi bỏ các nội dung quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tại các Thông tư:

- Thông tư số 231/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015;

- Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12/2/2015 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao;

- Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/2/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

- Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

- Thông tư số 107/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b. Bãi bỏ Điểm 2 và Điểm 3 Mục II về thẩm tra phân bổ vốn đầu tư và điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư được quy định tại Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; các Tổng Công ty, Tập Đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính; KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT, (600).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký
Huỳnh Quang Hải

Phụ lục số 01 Mẫu biểu phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư kèm theo Thông tư 52/2018/TT-BTC